

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST

Ngày: 09-9-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A; Địa chỉ: Số 101, đường Phan Đình Phùng, phường T A, quận N K, thành phố C T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 93, Nguyễn Văn Thủ, phường Đ K, Quận 1, Thành phố HCM (giấy ủy quyền ngày 10/5/2024, ông Nguyễn Đình S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 16/8/2024).

2. *Bị đơn:* Hộ kinh doanh B N; bà Nguyễn Thị N T, sinh năm 1980 là đại diện Hộ kinh doanh; bà Nguyễn Thị K D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 03, đường Trường Chinh, khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đình S trình bày:

Ngày 01/4/2017, Công ty A với Hộ kinh doanh B N do bà Nguyễn Thị N T là chủ hộ kinh doanh có ký kết hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa (gọi tắt là hợp đồng) và bà Nguyễn Thị K D có ký Phụ lục hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa ngày 22/10/2018. Nội dung của hợp đồng là Công ty A bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp cho bên mua là bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D, phương thức thanh toán là giao hàng trước, trả tiền sau (chuyển khoản hoặc nhân viên kinh doanh của công ty thu tiền mặt trực tiếp), về hàng hóa, số lượng, giá cả, chủng loại, phương thức giao hàng, thanh toán, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định cụ thể trong hợp đồng ngày 01/4/2017. Ngày kết thúc hợp đồng là ngày 31/3/2020, ngoài ra không còn thỏa thuận nào khác.

Quá trình mua bán, đến ngày 30/9/2022 hai bên đối chiếu, kết sổ lại thì bà D có ký tên xác nhận còn nợ Công ty A số tiền 32.121.268 đồng. Công ty A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà T và bà D thanh toán nợ nhưng bà T và bà D viện nhiều lý do khác nhau nhằm trì hoãn và không chịu thanh toán nợ. Do bà T, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của hợp đồng đã ký kết nên hai bên đã ngưng thực hiện hợp đồng.

Công ty A yêu cầu bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ mua vật tư nông nghiệp là 32.121.268 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 09/9/2024 là 6.548.080 đồng, tổng cộng là 38.669.348 đồng, làm tròn xuống còn 38.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận là 1,2%/tháng cho đến khi bà D, bà T thanh toán dứt nợ cho Công ty A, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:* Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D. Hộ kinh doanh B N trước đây do bà Nguyễn Thị N T đứng tên Chủ hộ kinh doanh tại địa chỉ số 03, đường Trường Chinh, khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G, sau đó bà Ngọc T để lại cho bà Nguyễn Thị K D quản lý, Hộ kinh doanh B N đã ngưng hoạt động khoảng 02 năm nay. Bà xác định Hộ kinh doanh B N do bà Ngọc T là Chủ hộ kinh doanh và bà D có ký hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa với Công ty A. Hiện nay bà Ngọc T và bà D không có sinh sống tại địa phương. Nội dung hai bên thỏa thuận mua bán về số lượng hàng hóa và số tiền còn nợ thì bà hoàn toàn không biết.

Theo biên bản xác minh ngày 25/7/2024, bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ số 03, đường Trường Chinh, khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải nhưng không thành. Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp, nguyên đơn không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự...đều thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà Nguyễn Thị N T là đại diện Hộ kinh doanh B N và bà Nguyễn Thị K D cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 38.000.000 đồng, đồng thời chấp nhận yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận là 1,2%/tháng cho đến khi bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D thanh toán dứt nợ cho Công ty A. Bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N T là Chủ Hộ kinh doanh B N và bà Nguyễn Thị K D là người đại diện thứ hai Hộ kinh doanh B N cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ từ việc mua bán vật tư nông nghiệp, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, ký gởi hàng hóa hai bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó xác định đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký kinh doanh và cư trú tại: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về xác định tư cách đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định bị đơn là cá nhân. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52D8005679 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Tân Châu cấp ngày 09/02/2015 cho Hộ kinh doanh B N thể hiện, bà Nguyễn Thị N T là người đại diện và không có cá nhân nào khác tham gia góp vốn. Bà Nguyễn Thị K D có ký Phụ lục hợp đồng mua bán, ký gởi hàng hóa ngày 22/10/2018 với tư cách là người đại diện thứ hai

của Hộ kinh doanh B N. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là Hộ kinh doanh B N do bà Nguyễn Thị N T là đại diện Hộ kinh doanh và bà Nguyễn Thị K D.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N T, bà Nguyễn Thị K D theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngày 01/4/2017, giữa Công ty A với Hộ kinh doanh B N do bà Nguyễn Thị N T là đại diện hộ kinh doanh và bà Nguyễn Thị K D là người đại diện thứ hai có thỏa thuận, xác lập hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa và Phụ lục hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa ngày 22/10/2018 trên cơ sở tự nguyện, hình thức của hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật, những nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại các Điều 117, 119, 430 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 30/9/2022 hai bên đối chiếu, kết sổ lại thì bà D có ký tên xác nhận còn nợ Công ty A số tiền 32.121.268 đồng (trong đó nợ vốn gốc là 22.867.000 đồng), điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích T và phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng, số chi tiết đơn vị mua của nguyên đơn đã giao nộp, cung cấp cho Tòa án. Công ty A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà Ngọc T và bà D thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Do đó, Công ty A yêu cầu bà Nguyễn Thị N T là đại diện Hộ kinh doanh B N và bà Nguyễn Thị K D là người đại diện thứ hai cùng có trách nhiệm liên đới trả một lần số tiền còn nợ từ việc hai bên xác lập mua bán tài sản là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*” và quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”.

Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và hai bên cùng có nghĩa vụ thực hiện. Bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 3 của hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa ngày 22/10/2018, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty A. Vì vậy, Công ty A yêu cầu bà Ngọc T và bà D cùng có trách nhiệm trả một lần số tiền còn nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.*”

[2.2] Đối với bị đơn: Theo khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A, được xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập và có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi: Hợp đồng mua bán, ký gởi hàng hóa được xác lập giữa Công ty A với Hộ kinh doanh B N có thỏa thuận về vi phạm nghĩa vụ trả lãi do thanh toán trễ hạn là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Luật Thương mại. Người đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi là có căn cứ chấp nhận theo Điều 306 của Luật Thương mại, cụ thể *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

Mức lãi suất chậm thanh toán được quy định trong hợp đồng do hai bên thỏa thuận là 1,2%/tháng phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 09/9/2024 là 709 ngày (23 tháng 19 ngày), cụ thể: $709 \text{ ngày} \times 22.867.000 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} = 6.485.080 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét cần buộc bà Nguyễn Thị N T là đại diện Hộ kinh doanh B N và bà Nguyễn Thị K D là người đại diện thứ hai cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ mua vật tư nông nghiệp của Công ty A tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 38.596.348 đồng, làm tròn xuống còn 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, Điều 351, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc bà Nguyễn Thị N T là đại diện Hộ kinh doanh B N và bà Nguyễn Thị K D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty A số tiền còn nợ mua vật tư nông nghiệp tổng cộng vốn và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 38.000.000 (*ba mươi tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày 10/9/2024, bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa ngày 01/4/2017 là 1,2%/tháng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N T và bà Nguyễn Thị K D phải chịu 3.000.000 (*ba triệu* đồng) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền 986.000 (*chín trăm tám mươi sáu nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0008082 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang